TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/DS - ST.
Ngày: 06 - 11 - 2017.
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.
2. Ông Bùi Hồng Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLST - DS, ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXXST - DS, ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc H; Sinh năm: 1975; Địa chỉ: số nhà x, đường x, khóm x, phường x, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Thanh L; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: số nhà x, ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

2.2. Ông Trần Văn Q; Sinh năm: 1976; Địa chỉ: số nhà x, ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Quốc H trình bày: Ông Trần Quốc H làm chủ hụi, vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L là hụi viên tham gia hợp dồng góp hụi với nhau, dây hụi mở ngày 06/7/2015 âm lịch, hụi giá 3.000.000 đồng, gồm có 18 phần hụi, ông Q và bà L tham gia 04 phần hụi cụ thể như sau: Khi hụi mở lần thứ nhất vào ngày 11/7/2015 âm lịch thì ông Q và bà L hốt 01 phần hụi được số tiền là 37.400.000 đồng; Khi hụi mở lần

thứ hai vào ngày 11/8/2015 âm lịch thì ông Q và bà L hốt 01 phần hụi được số tiền là 36.600.000 đồng; Khi hụi mở lần thứ ba vào ngày 11/9/2015 âm lịch thì ông Q và bà L hốt 01 phần hụi được số tiền là 39.000.000 đồng; Khi hụi mở lần thứ năm vào ngày 11/11/2015 âm lịch thì ông Q và bà L hốt 01 phần hụi được số tiền là 39.820.000 đồng. Sau khi hốt hết 04 phần hụi thì ông Q và bà L góp hụi chết lại cho ông H đến ngày 11/02/2016 thì không góp tiếp. Sau đó, ông Hkhởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc ông Q và bà L phải trả số tiền hụi chết tính đến ngày 11/8/2016 là 84.000.000 đồng (04 phần x 3.000.000 đồng/phần x 07 kỳ chết), tại phiên hòa giải thì ông H và ông Q và bà L đã thỏa thuận được nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 43/2016/QĐST – DS ngày 02/11/2016. Sau đó, đến kỳ mở hụi tiếp theo đối với các kỳ hụi chết còn lại thì ông Q và bà L không góp hụi cho ông H, ông H đã góp thay các kỳ hụi chết cho ông Q và bà L tính đến khi mãn hụi vào ngày 11/12/2016 âm lịch thì ông Q và bà L còn nợ ông H tổng cộng là 48.000.000 đồng (04 phần x 3.000.000 đồng/phần x 04 kỳ chết).

Tại phiên tòa, ông Trần Quốc H yêu cầu ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H số tiền hụi chết còn nợ mà ông H đã góp thay là 48.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Trần Văn Q: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Q và bà L, nhưng họ không có ý kiến phản đối gì. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/9/2017, tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/9/2017 và biên bản hòa giải ngày 05/9/2017 thì ông Q và bà L thừa nhận về toàn bộ nội dung hợp đồng góp hụi giữa họ và ông H đúng như yêu cầu khởi kiện của ông H và thừa nhận tính đến khi mãn hụi vào ngày 11/12/2016 âm lịch còn nợ ông H số tiền hụi là 48.000.000 đồng, nhưng ông Q và bà L không đồng ý ký tên vào các biên bản với lý do hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên khi nào bán được tài sản sẽ trả cho ông H nên Tòa án đã lập biên bản về việc ông Q và bà L không đồng ý ký tên. Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Thư ký , Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi gốc là 48.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Q và bà L.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quốc H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/9/2017 (bút lục 13, 14), tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/9/2017 (bút lục 30) và biên bản hòa giải ngày 05/9/2017 (bút lục 31) thì ông Q và bà L thừa nhận về toàn bộ nội dung hợp đồng góp hụi giữa họ và ông H đúng như yêu cầu khởi kiện của ông H và thừa nhận tính từ ngày 11/8/2016 âm lịch đến khi mãn hụi vào ngày 11/12/2016 âm lịch thì ông Q và bà L còn nợ ông Hùng số tiền hụi là 48.000.000 đồng (04 phần x 3.000.000 đồng/phần x 04 kỳ chết), nhưng không đồng ý hẹn thời gian hoàn trả với lý do khi nào bán được tài sản sẽ trả cho ông H, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Q và bà L còn nợ ông H số tiền hụi là 48.000.000 đồng. Xét về hợp đồng góp hụi giữa ông H và vợ chồng ông Q và bà L thì tại thời điểm hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7; Điều 8; Điều 20; Điều 25 và khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Q và bà L thừa nhận sau khi hốt hụi thì góp chụi chết cho ông H được một thời gian thì không góp tiếp, tại biên bản hòa giải ngày 25/10/2016 (bút lục 28) và biên bản hòa giải thành ngày 25/10/2016 (bút lục 29) của Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông H và ông Q, bà L đối với dây hụi này đến ngày 11/8/2016 âm lịch, sau đó đến kỳ mở hụi tiếp theo thì ông Q và bà L không góp hụi cho ông H và ông H đã góp thay cho ông Q và bà L từ ngày 11/8/2016 âm lịch đến ngày mãn hụi 11/12/2016 âm lịch là với số tiền là 48.000.000 đồng (04 kỳ hụi chết x 3.000.000 đồng/phần x 04 phần hụi). Do đó, ông Q và bà L đã vi phạm thỏa thuận nên việc ông H yêu cầu ông Q và bà L hoàn trả số tiền hụi chết ông H đã góp thay cho ông Q và bà L với số tiền là 48.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L phải trả lãi cho ông Hùng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quốc H và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L phải chịu 2.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Trần Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 20, Điều 25, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc H. Buộc bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hùng số tiền hụi là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Quốc Hùng có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L phải trả lãi cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L phải chịu 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Quốc Hùng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Hùng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0008260, ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trần Văn Q và bà Trần Thị Thanh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung